

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH P**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2020/HSST
Ngày 27 – 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Minh Thân

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh P xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2020/TLST- HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST- HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Hải Y, Sinh ngày 04/9/1982, tại huyện TT, tỉnh P; Nơi Cư trú: khu 9, xã K, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Đức I- sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị C- sinh năm 1964; Chồng: Hoàng Minh T; Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/7/2020, đến ngày 14/7/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện TT, tỉnh P;

2. Nguyễn Văn H, Sinh ngày 10/5/1972, tại huyện E, tỉnh L; Nơi cư trú: Tiểu khu 1, thị trấn E, huyện E, tỉnh L; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Hồng II- sinh năm 1936 và bà Bùi Thị C1- sinh năm 1940; Vợ: Nguyễn Minh T1; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân Thân: Ngày 25/4/2006, bị cáo H bị Công an quận Thanh X, thành phố Hà Nội lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, đã nộp phạt vi phạm hành chính vào ngày 03/5/2006.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/7/2020, đến ngày 14/7/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại thị trấn E, huyện E, tỉnh L;

3. Hà Ngọc X, Sinh ngày 15/01/1982, tại huyện TT, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 5, xã K, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn

giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Con ông Hà Thế I2- sinh năm 1943 và bà Nguyễn Thị C2- sinh năm 1952; Vợ: Nguyễn Thị Thu T2 (Đã ly hôn); Con: Có 01 con, sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 15/11/2007, bị Công an huyện TT ra quyết định khởi tố về tội "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác". Sau đó đến ngày 11/01/2008 Viện kiểm sát nhân dân huyện TT ra quyết định đình chỉ vụ án hình sự với lý do "Người bị hại đã rút yêu cầu khởi tố".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/7/2020, đến ngày 14/7/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện TT, tỉnh P;

4. Nguyễn Thị H1, Sinh ngày 16/5/1991, tại huyện TT, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 6, xã K, huyện TT, tỉnh P; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Nguyễn Văn I3 - sinh năm 1971 và bà Đặng Thị C3- sinh năm 1972; Chồng: Trần Ngọc T3; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo H1 bị tạm giữ từ ngày 08/7/2020, đến ngày 14/7/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện TT, tỉnh P;

5. Chu Huy G, Sinh ngày 01/01/1982, tại huyện TT, tỉnh P; Nơi cư trú: Khu 8, xã K, huyện TT, tỉnh P; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Chu Thanh I4 (Đã chết) và bà: Hà Thị C4- sinh năm 1955; Vợ: Nguyễn Thị Thu T4 (Đã ly hôn); Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo G đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, huyện TT, tỉnh P;

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 08/07/2020, bị cáo Nguyễn Thị Hải Y cùng chồng là anh Hoàng Minh Tuấn- sinh năm 1979, cùng ở khu 9, xã K, huyện TT có mời Hà Ngọc X- sinh năm 1982, ở khu 5, xã K, huyện TT; Chu Huy G- sinh năm 1982, ở khu 8, xã K, TT và Nguyễn Văn H- sinh năm 1972, ở Tiểu khu 1, thị trấn E, huyện E, tỉnh L đến nhà vợ chồng Y để ăn cơm uống rượu. Sau khi ăn cơm uống rượu xong, khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, do say rượu nên anh Tuấn (chồng Y) lên giường đi ngủ còn Y, X, G, H ngồi uống nước tại gian phòng khách nhà Y. Khi mọi người đang ngồi uống nước thì Y bảo “làm tý sâm” (tức là đánh bạc dưới hình thức chơi “sâm” ăn tiền) thì tất cả đồng ý. Sau đó, Y, X, H và G cùng nhau ngồi xuống chiếc chiếu trúc được trải sẵn tại nền nhà Y, X lấy 01 (một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân từ A đến K được để sẵn dưới chiếu và chia ván bài đầu tiên. Hình thức đánh bạc được các đối tượng thỏa thuận như sau: sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ chia đều cho mỗi người chơi 10 quân bài theo vòng tay phải người chia và ở ván bài đầu tiên thì người chia bài là người được đánh đầu tiên. Còn các ván bài tiếp theo thì người thắng là người chia bài và được đánh đầu tiên. Người đánh có thể đánh 01 quân bài lẻ (từ quân bài 3 đến quân A hoặc quân

2), trong đó cao nhất là quân bài 2, thấp nhất là quân bài 3; đánh 02 đến 04 quân bài cùng số; đánh theo dây gồm 03 quân trở lên có thứ tự liên kề nhau (dây thấp nhất bắt đầu từ quân bài A, ví dụ A,2,3...; dây cao nhất kết thúc cũng bằng quân A, ví dụ...Q,K,A); người tiếp theo đánh tương tự như người trước nhưng phải cao hơn bài người trước đánh ra; hoặc có thể thôi để người tiếp đánh quân bài cao hơn, lần lượt những người chơi tiếp theo cũng như vậy, đến khi đánh hết bài là người thắng cuộc ván đó; những người chơi còn bài chưa đánh phải trả tiền tương ứng 10.000 đồng/ lá bài; ai không đánh được quân bài nào là bị “treo” và phải trả cho người thắng 150.000 đồng; ai có tứ quý chặn được quân 2 thì người bị chặn phải trả cho người chặn 200.000 đồng; Quá trình chơi, nếu ai thấy bài của mình có thể nhất và không ai chặn được thì người đó có thể báo “sâm”, nếu không ai chặn được thì người đó là người thắng cuộc và mỗi người chơi còn lại phải trả cho người thắng số tiền 200.000 đồng, nếu có người chặn được người báo “Sâm” thì người đó phải mất cho người chặn được số tiền 800.000 đồng. Do Y mới biết chơi sâm nên Y lấy chiếc điện thoại di động Samsung J6 lắp sim số 0328.368.446 của anh Tuấn (chồng Y) gọi điện đến số điện thoại di động Samsung A7 lắp sim số 0868.929.666 cho Nguyễn Thị H1, sinh năm- 1991 ở khu 6, xã K để rủ H1 đến nhà Y cùng tham gia đánh bạc, H1 đồng ý và đi đến nhà Y tham gia đánh bạc cùng các đối tượng. Do H1 không có tiền nên Y đã rủ H1 chơi chung cửa với Y (Huyền là người cầm bài đánh còn Y bỏ tiền ra chiếu để H1 đánh bạc). Khi tham gia đánh bạc, Nguyễn Thị Hải Y có 1.500.000 đồng, Y sử dụng toàn bộ số tiền trên vào mục đích đánh bạc; Nguyễn Văn H có số tiền 4.300.000 đồng, H sử dụng 800.000 đồng vào mục đích đánh bạc; Hà Ngọc X có 4.830.000 đồng, X sử dụng 3.500.000 đồng vào mục đích đánh bạc, Chu Huy G có 4.420.000 đồng, G sử dụng toàn bộ vào mục đích đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc liên tục đến 16 giờ 30 phút thì bị lực lượng Công an huyện TT phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ tang vật. Lợi dụng sơ hở, Chu Huy G bỏ chạy thoát đã để lại tại chiếu bạc 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, đã cũ, lắp sim số 0384.720.783 cùng số tiền 4.420.000 đồng G dùng vào việc đánh bạc.

Cơ quan Điều tra thu giữ tại nền phòng khách nơi các đối tượng đánh bạc 02 chiếu trúc màu vàng xanh, 52 quân bài tứ lơ khơ từ A đến K, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, đã cũ, lắp sim số 0384.720.783 và số tiền 10.220.000 đồng. Kiểm tra người các đối tượng thu giữ của: Nguyễn Văn H 01 ví giả da màu nâu, bên trong có số tiền 3.500.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6S Plus màu xám, lắp sim số 0977.868.677; Hà Ngọc X 01 ví giả da màu nâu, bên trong có số tiền 1.330.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu vàng, lắp sim số 0985.373.995; Nguyễn Thị H1 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A7, màu vàng, lắp sim số 0868.929.666.

Về số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc được xác định như sau: Khi tham gia đánh bạc Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Thị H1 cùng nhau sử dụng số tiền 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn H sử dụng số tiền 800.000 đồng, Hà Ngọc X sử dụng số tiền 3.500.000 đồng, Chu Huy G sử dụng số tiền 4.420.000 đồng. Số tiền Cơ quan Công an thu giữ tại nơi các đối tượng đánh bạc là 10.220.000 đồng, do đó xác định tổng số tiền các bị can Y, H, X, H1, G sử dụng đánh bạc là 10.220.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 53/CT-VKSTT ngày 08/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh P đã truy tố các bị cáo về tội: “Đánh bạc” quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Viện kiểm sát nhân dân huyện TT vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Văn H, Hà Ngọc X, Nguyễn Thị H1 và Chu Huy G phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, và đề nghị căn cứ Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Y và bị cáo H; căn cứ Khoản 1 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo X, H1 và G. Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Thị Hải Y từ 20 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Văn H từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Chu Huy G, từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Hà Ngọc X từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Thị H1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ đồng thời khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 08/7/2020 đến ngày 14/7/2020 cho các bị cáo Y, H, X và H1.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ để sung ngân sách nhà nước.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo Hà Ngọc X, Chu Huy G và Nguyễn Thị H1;

- Buộc các bị cáo lao động công ích phục vụ cộng đồng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để xử lý vật chứng và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT đã truy tố, không oan sai. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu được và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 08/7/2020, tại nhà ở của bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, ở khu 9, xã K, huyện TT, tỉnh P; Bị cáo Y cùng các bị cáo Nguyễn Văn H, Hà Ngọc X, Nguyễn Thị H1 và Chu Huy G đã có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh sâm với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 10.220.000đ (Mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó: Bị cáo Y và bị cáo H1 cùng nhau sử dụng số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo H sử dụng số tiền 800.000 đồng, bị cáo X sử dụng số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo G sử dụng số tiền 4.420.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Có khung hình phạt đến 03 năm tù.

Xét tính chất, mức độ, hành vi và vai trò của từng bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án có đồng phạm với vai trò giản đơn. Tính chất, mức độ của vụ án là ít nghiêm trọng. Tuy nhiên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, đã xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh trong đời sống xã hội hiện nay, cũng như làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của các gia đình bị cáo và nhiều gia đình khác. Bị cáo Y là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo các bị cáo khác đánh bạc tại nhà mình nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác; Bị cáo H đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi

đánh bạc, bị cáo G sử dụng số tiền đánh bạc nhiều hơn các bị cáo khác đó đó các bị cáo X, H và G phải chịu hình phạt ngang nhau, sau đó đến bị cáo H1.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo H năm 2006 bị xử lý hành chính về hành vi đánh bạc, kể từ khi được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đến ngày phạm tội lần này đã quá 06 tháng. Do đó các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đó là “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật hình sự, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của Pháp luật.

Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên cần buộc các bị cáo phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 điều 36 của bộ luật hình sự là phù hợp.

[2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Qua xác minh của Cơ quan điều tra thể hiện các bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị. Tuy nhiên bị cáo Y là người rủ rê lôi kéo, cho các đối tượng đánh bạc tại nhà ở của mình, bị cáo H đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, do đó Hội đồng xét xử xét cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Y và bị cáo H, thể hiện sự nghiêm khắc của pháp luật. Cần miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo H1, X và G là phù hợp.

[3] Đối với anh Hoàng Minh Tuấn, là chủ nhà nơi các đối tượng đánh bạc. Tuy nhiên, anh Tuấn không biết việc các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà ở của mình và cũng không ai hỏi anh Tuấn để được đánh bạc tại nhà anh Tuấn, nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý; Đối với chiếc điện thoại di động Samsung J6 lắp sim số 0328.368.446 của anh Tuấn, anh Tuấn không biết việc vợ mình dùng điện thoại của mình để liên lạc với H1 tham gia đánh bạc, ngoài ra khi Cơ quan Công an mời lên làm việc, anh Tuấn đã làm rơi mất chiếc điện thoại nên Cơ quan điều tra không thu giữ được và không đề cập xử lý là phù hợp. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng thu giữ của bị cáo H, 1.330.000 đồng thu giữ của bị cáo X, qua điều tra xác định số tiền trên các bị cáo H, X để trong ví không sử dụng vào mục đích đánh bạc; Đối với chiếc điện thoại di động Samsung A7 lắp sim số 0868929666, quá trình điều tra xác định là của anh Trần Ngọc Tân sinh năm-1988, ở khu 6, K, TT cho vợ là bị cáo H1 mượn để làm phương tiện liên lạc, anh Tân không biết việc H1 liên lạc với đối tượng tham gia đánh bạc. Do đó, quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện TT đã trả lại cho các chủ sở hữu hợp

pháp những đồ vật, tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội gồm: Trả lại cho Chu Huy G 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu vàng, đã cũ, lắp sim số 0384.720.783; Trả lại cho Nguyễn Văn H 01 ví giả da màu nâu và số tiền 3.500.000 đồng, 01 điện thoại Iphone 6S Plus màu xám, lắp sim số 0977.868.677; Trả lại cho Hà Ngọc X 01 ví giả da màu nâu và số tiền 1.330.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG J7, màu vàng, lắp sim số 0985.373.995; Trả lại cho anh Trần Ngọc Tân 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG A7, màu vàng, lắp sim số 0868.929.666, xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết;

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 10.220.000 đ (Mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó : Của bị cáo Y số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo H số tiền 800.000 đồng, bị cáo X số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo G số tiền 4.420.000 đồng, do các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước là phù hợp;

- Đối với 02 (hai) chiếc trục màu vàng xanh; 52 quân bài tú lơ khơ từ A đến K của bị cáo Y là công cụ dùng để đánh bạc, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy là phù hợp.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định Tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Hải Y và bị cáo Nguyễn Văn H;

Căn cứ Khoản 1 Điều 321, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Ngọc X, Nguyễn Thị H1 và Chu Huy G.

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Văn H, Hà Ngọc X, Nguyễn Thị H1 và Chu Huy G phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Hải Y 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 06 (Sáu) ngày (Từ ngày 08/7/2020 đến ngày 14/7/2020), quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 20 (Hai mươi) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo Y cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 06 (Sáu) ngày (Từ ngày 08/7/2020 đến ngày 14/7/2020), được quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh L nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh L giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo: Hà Ngọc X 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 06 (Sáu) ngày (Từ ngày 08/7/2020 đến ngày 14/7/2020),

được quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo X cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo: Chu Huy G 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo G cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị H1 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian tạm giữ là 06 (Sáu) ngày (Từ ngày 08/7/2020 đến ngày 14/7/2020), được quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (Mười một) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P nhận được Quyết định thi hành án và bản sao Bản án. Giao bị cáo H1 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện TT, tỉnh P giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Trong thời gian cải tạo không giam giữ, các bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ theo luật thi hành án hình sự.

- Các bị cáo: Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Văn H, Hà Ngọc X, Nguyễn Thị H1 và Chu Huy G phải thực hiện lao động công ích phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ, thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Văn H, mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

- Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo: Chu Huy G, Hà Ngọc X và Nguyễn Thị H1.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự:

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước số tiền 10.220.000 đ (Mười triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó : Của bị cáo Y số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo H số tiền 800.000 đồng, bị cáo X số tiền 3.500.000 đồng, bị cáo G số tiền 4.420.000 đồng;

- Tịch thu, tiêu hủy: ; 02 (hai) chiếu trúc màu vàng xanh; 52 quân bài tú lơ khơ từ A đến K của bị cáo Y.

Các vật chứng trên được tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/10/2020, tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TT, tỉnh P.

Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo: Nguyễn Thị Hải Y, Nguyễn Văn H, Hà Ngọc X, Nguyễn Thị H1 và Chu Huy G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh P xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện, VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- THAHS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã K;
- UBND thị trấn E;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng